

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 15-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Bà Thái Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn T1, sinh năm 1989.

Đăng ký thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Ấp P, xã An huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T2, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 02 năm 2022.

- ***Bị đơn:***

1. Ông Trần Văn T3, sinh năm 1965 (có mặt);

2. Bà Đào Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 26 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn T1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Minh T2 trình bày:

Ngày 29/8/2018, ông T1 có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi thủy sản cho ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L bao gồm các loại thức ăn và thuốc thủy sản. Theo hợp đồng thì ông T1 sẽ giao hàng cho ông T3 và bà L nuôi tôm, sau khi thu hoạch tôm thì ông T3 và bà L sẽ trả đủ tiền cho ông T1. Ông T1 đã thực hiện đúng hợp đồng, giao thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho ông T3 và bà L theo đúng đơn hàng của ông T3 và bà L yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông T3 và bà L đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên ông T1. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông T3 và bà L đã không trả đủ tiền cho ông T1 theo hợp đồng. Tại bản đối chiếu công nợ ngày 28/5/2021 thì ông T3 và bà L xác nhận còn nợ ông T1 số tiền 120.568.000 đồng. Ông T1 nhiều lần yêu cầu ông T3 và bà L trả nợ, nhưng từ đó đến nay ông T3 và bà L chỉ hứa rồi không thực hiện việc trả nợ cho ông T1.

Ông Thuần yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L phải trả cho ông T1 số tiền nợ mua thức ăn và thuốc thủy sản là 120.568.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả với lãi suất 10%/năm/120.568.000 đồng, tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/02/2022, 08 tháng là 8.037.000 đồng. Tổng cộng 128.605.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực đến khi trả hết nợ cho ông T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ mua thức ăn và thuốc thủy sản 120.568.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Văn T3 trình bày:

Vào khoảng tháng 9 năm 2018, vợ chồng ông T3 và bà Đào Thị L có hợp đồng mua thức ăn, thuốc thủy sản để nuôi thủy sản của ông Lê Văn T1 như nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tính đến nay, vợ chồng ông T3, bà L còn nợ ông T1 số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản 120.568.000 đồng. Nay ông T3 đồng ý trả số tiền nợ gốc 120.568.000 đồng, ông T3 xin ông T1 không tính số lãi 8.037.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông T3, bà L đang gặp khó khăn về tài chính nên ông T3 xin ông T1 cho vợ chồng ông, bà trả dần mỗi năm trả 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 7 năm 2022, bị đơn bà Đào Thị L trình bày:

Vào khoảng tháng 9 năm 2018, vợ chồng bà (Đào Thị L và Trần Văn T3) có hợp đồng mua thức ăn, thuốc thủy sản để nuôi thủy sản của ông Lê Văn T1 như nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tính đến nay, vợ chồng bà còn nợ ông T1 số tiền 120.568.000 đồng. Nay bà L đồng ý trả số tiền nợ 120.568.000 đồng, bà L xin ông T1 không tính tiền lãi. Hiện nay vợ chồng bà đang gặp khó khăn về tài chính nên bà L xin ông T1 cho vợ chồng bà trả dần mỗi năm trả từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, các bị đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn T1 có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn, thuốc thú y để nuôi thủy sản là 120.568.000 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi ông Lê Văn T1 nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L cùng cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ông T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T3, bà L phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thú y thủy sản còn nợ và yêu cầu trả lãi suất do chậm trả. Ông T1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho ông T1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và ông T1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của ông T1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lê Văn T1 yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ 120.568.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả với lãi suất 10%/năm/120.568.000 đồng, tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/02/2022, 08 tháng là 8.037.000 đồng. Tổng cộng 128.605.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ mua thức ăn, thuốc để nuôi thủy sản là 120.568.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Bị đơn bà Đào Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Đào Thị L.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ là 120.568.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực đến khi trả hết nợ cho ông T1.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn T3 đã thừa nhận tính đến ngày 28/5/2021 ông T3 và bà L còn nợ ông T1 số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 120.568.000 đồng và đến nay chưa trả số tiền trên cho ông T1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2022, bị đơn bà Đào Thị L cũng thừa nhận tính đến nay, vợ chồng bà còn nợ ông T1 số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản là 120.568.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L còn nợ ông Lê Văn T1 số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 120.568.000 đồng là sự thật. Tuy nhiên, ông T3 xin được trả dần mỗi năm 4.000.000 đồng và bà L xin được trả dần cho ông T1 mỗi năm trả từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng người đại diện của ông T1 không đồng ý theo đề nghị của ông T3, bà L và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T3, bà L.

[5] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”. Thỏa thuận theo hợp

đồng, thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán khi thu hoạch tôm”. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong bên mua là ông T3, bà L không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là ông T1. Do đó, ông Lê Văn T1 yêu cầu các bị đơn ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ 120.568.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với số tiền 120.568.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tám đồng).

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $5\% \times 120.568.000 \text{ đồng} = 6.028.400 \text{ đồng}$.

[9] Nguyên đơn ông Lê Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 430; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T1 về yêu cầu các bị đơn ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ.

2. Xử buộc các bị đơn ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Văn T1 tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với

số tiền 120.568.000 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn ông Lê Văn T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng các bị đơn ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Trần Văn T3 và bà Đào Thị L phải chịu 6.028.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ông Trần Văn T3 nộp 3.014.200 đồng, bà Đào Thị L nộp 3.014.200 đồng).

3.2. Nguyên đơn ông Lê Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn T1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 3.215.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001811 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn, bị đơn Trần Văn T3 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn Đào Thị L vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn